

Một vài mẹo để đạt đến phong cách khoa học

PHAN NGỌC

O. Phương cách khoa học tuy chỉ là một sự phần của phong cách ngôn ngữ văn học nhưng lại liên quan trực tiếp với thể loại xã hội. Các thành tựu của khoa học kỹ thuật muốn vào quần chúng phải viết bằng một cái vỏ ngôn ngữ ăn khớp với nó. Trình bày một thành tựu của khoa học kỹ thuật được chính xác, gãy gọn, dễ hiểu không phải là dễ. Khoa học là lý luận trong tư duy, đòi hỏi phải được thể hiện bằng một tiếng Việt có kỹ thuật, bắt buộc là tiếng Việt hiện nay chưa đạt trình độ này. Đây là lĩnh vực mà ngôn ngữ học có thể phục vụ để giảm nhẹ sự vất vả của quần chúng trong việc tiếp thu khoa học, cũng như để cấp cho nhà khoa học một số mẹo dạng trình bày tư tưởng chính xác nhưng vẫn Việt Nam, dễ hiểu nhưng vẫn sâu sắc.

1. Một ngôn ngữ khoa học, dù nó là tiếng Việt hay tiếng Nga, đều phải đạt bốn tiêu chuẩn: một nghĩa, dùng hoàn cảnh giao tiếp, nhịp nhàng và ngắn gọn. Nhiệm vụ của ngôn ngữ học là phân tích hóa các tiêu chuẩn này. Một nghĩa, là một kiến trúc chỉ có thể hiểu theo một cách không cần đến ngữ cảnh. Đứng hoàn cảnh giao tiếp trước hết là Việt Nam, đứng sau người Việt vẫn thường nói, thứ hai là phù hợp với môi trường giao tiếp, bởi vì mỗi khoa học có một môi trường riêng. Trong bài này chúng tôi chỉ nói đến điểm thứ nhất. Nhịp nhàng, là câu văn nghe phải hấp dẫn. Ngắn gọn, là tiết kiệm được thời gian, để cho bài được gọn nhưng tôi chỉ nói một điểm nhỏ trong mỗi mục. Nếu tôi có nhắc đến một vài nhược điểm của tiếng Việt thì đó chỉ vì khoa học có nhiệm vụ phát hiện kỹ hết các nhược điểm trong thực tế để tìm cách khắc phục. Còn chuyện ca ngợi hay suy cái thực tế ấy, tuy rất cần thiết, là nhiệm vụ của người khác.

2. Tiếng Việt, gồm những đơn vị không biến đổi chấp lại với nhau để thành câu. Cũng như tiếng Thái, tiếng Miến Điện, tiếng Khmer và đa số các ngôn ngữ ở Đông Nam Á nó thiếu tính một nghĩa. Một kiến trúc như *anh em* ở các ngôn ngữ này có sáu nghĩa: 1) danh từ tập hợp, tương đương với *các anh*; 2) danh từ đi với từ chỉ sở hữu: *người anh của người em*; 3) kiến trúc có nghĩa (từ từ tương đương với *thân mật*); 4) danh từ đi với đại từ tương đương với *anh của tôi, anh của mày*; 5) kiến trúc đẳng lập tương đương với *anh và em*; 6) kiến trúc lựa chọn tương đương với *anh hoặc em*. Khi ngôn ngữ theo trật tự ngược (cái bị chỉ định đứng trước cái chỉ định) như tiếng Hán thì nghĩa 2 là *người em của người anh* và nghĩa 4 là *em của tôi, em của mày* nhưng tình hình vẫn không thay đổi. *Anh em* trong tiếng Việt còn có thêm một nghĩa thứ bảy là chơi bởi thân thiết: *Nó anh em với bọn du đàng*.

Khi các ngôn ngữ này chỉ dùng để viết văn, làm thơ, kể chuyện, trình bày các khoa học có tính chất kinh nghiệm thì không gây khó khăn vì ngữ cảnh sẽ

giúp ta tìm được cái nghĩa cần đến. Đã thế, chính tình đa nghĩa lại là đáng quý trong một thông báo nghệ thuật. Nhưng thử dùng bốn chữ này để viết và đọc luân tư biến, khoa học chính xác thì lập tức nảy sinh có số câu trở. Trung Quốc đã viết trên hai ngàn năm để chỉ đơn về từng câu của Khổng Tử Lao từ, lao vô văn gây mực và công sức mà vẫn không xong. Đó là hàng chúng hèn nhòa cho mấy lần quan trọng của ngôn ngữ học.

Đề tài to một ngôn ngữ chính xác phải làm sao cho các kiến trúc ngữ pháp nhập nhằng giữa mỗi kiến trúc từ pháp và một kiến trúc cú pháp. Anh em, kiến trúc từ pháp với nghĩa các anh nhưng lại là một kiến trúc cú pháp. Anh em, anh em anh và em, anh của em, anh của tôi. Trái lại các kiến trúc cú pháp, anh và em, anh của em, anh hoặc em chỉ là kiến trúc cú pháp không thể nào là kiến trúc từ pháp, còn anh em trong tất anh em, đừng anh em với bạn nó lại lại chỉ là kiến trúc từ pháp. Nếu câu lịch kiến trúc từ pháp ra khỏi kiến trúc cú pháp, lịch thứ hôn cả hai loại kiến trúc này là nhu cầu khách quan của ngôn ngữ khoa học. Điều này cái nghĩa tại sao trong tiếng Việt hiện đại có nhiều công cụ ngữ pháp, cách đây một trăm năm mươi năm hoặc là không có trong ngôn ngữ văn học, như các giới từ ở, của quân từ các, hoặc là du có nhưng dùng rất rối rạc, không phải phổ biến như hiện nay: rất, bằng và, bởi...

Trong một ngôn ngữ khoa học, các đơn vị chính (danh từ, động từ, tính từ, phải chia biệt với nhau. Đồ đó xuất hiện các đoàn ngữ. Là có đoàn ngữ danh từ (các câu cảnh biệt ly), đoàn ngữ động từ (hãy còn nói nữa), đoàn ngữ tính từ (vô cùng anh dũng). Mỗi đoàn ngữ mặt mày khác nhau mang các nhãn hiệu ngữ pháp, đoàn ngữ danh từ có quân từ, từ chỉ định, đoàn ngữ động từ có thời, thức, đoàn ngữ tính từ có cấp so sánh (chính bằng cách này, tiếng Việt đã đuổi kịp các ngôn ngữ Châu Âu về mặt chính xác, một nghĩa. Và từ nay, đoàn ngữ, chứ không phải từ là đơn vị ngữ pháp. Cái từ đứng một mình chỉ là biểu hiện của đoàn ngữ. Không cần phải nói ở đây có sự tiếp thu ảnh hưởng của các ngôn ngữ Châu Âu. Đông thời xuất hiện các kiến trúc đề nối liền, khớp xương của tư duy lý luận hơn nữa. Đã thế, một khác nói khác đi...) về cơ bản cũng là dịch từ các tiếng Châu Âu. Lịch sử phát triển của tiếng Việt trong một trăm năm mươi năm nay chính là quá trình chuyển biến của một ngôn ngữ kể chuyện làm thơ sang ngôn ngữ của tư duy suy lý (pensée discursive) bởi vì không có sự chuyển biến này làm sao có thể truyền bá khoa học cho quần chúng được? Dưới những biểu hiện khác nhau, các ngôn ngữ ở Đông Nam Á đều phát triển theo một hướng chung hướng đạt đến tình một nghĩa của các kiến trúc đề tiếp thu, truyền bá khoa học.

3. Nhưng nếu như câu văn khoa học trong thực tế có xích lại gần câu văn châu Âu, thì ta lại phải giữ cái bản sắc Việt Nam của nó. Tiếng Anh chẳng hạn rất gần tiếng Pháp. Viết và nói tiếng Anh cho suôn sẻ không khó, nhưng viết và nói tiếng Anh cho thực Anh thì cực kỳ gian nan. Vậy ngôn ngữ của ta phải vừa hiện đại vừa rất Việt Nam. Dưới đây là một vài thói quen của tiếng Việt rất dễ làm sẽ đem đến cho câu văn của bạn sắc thái dân tộc.

Người Việt rất thích dùng con số. Cho nên nói từ phía, muôn mầu, hai ngàn, trăm phương ngàn kế thì dễ nghe hơn là tất cả các phía, tất cả các màu có thể có cả cha lẫn mẹ, mọi biện pháp có thể làm được. Người Việt nói tôi thấy thế, biết

bộ phận theo thứ tự tăng dần về số lượng âm tiết. Lúc đó câu văn nghe xuôi tai, còn không ta sẽ có một câu lủng củng. Thí dụ câu: *tôi, cha anh, bạn bè anh, tất cả bà con đều đón tiếp anh niềm nở* nghe xuôi tai hơn *Tất cả bà con, cha anh, tôi, bạn bè anh...* Tiếng Việt rất thích sự cân đối giữa các vế cho nên các kiến trúc một một... một khác, vì... cho nên, sở dĩ... là vì, cũng như... cũng vậy v.v... là rất có ích. Khi một câu có nhiều cú phụ thì nên thêm từ *thì ở* cú chính để nêu bật nó lên, nếu không nó sẽ chìm vào các cú phụ: *Nếu quân địch đến trong khi ta chưa kịp chuẩn bị* và *anh chỉ có một mình thì anh sẽ làm gì?* Khi có nhiều chủ ngữ, gồm nhiều bộ phận thì nên thêm chữ *đều* trước vị ngữ: *tất cả mọi người, từ người ở nước ngoài đến những người ở nơi hẻo lánh đều biết tin anh*. Thiếu chữ *đều* câu văn sẽ cụt vị không biết vị ngữ bắt đầu từ đâu.

5. Khi hai kiến trúc có đủ ba điều kiện trên thì nên chọn kiến trúc nào ngắn hơn, bởi vì tiết kiệm thời gian là một điều quan trọng của ngôn ngữ khoa học. Câu văn Việt Nam thường có những chữ thừa. *Nói một cách khác* không hơn gì *nói khác đi*. *Tôi đọc công trình của tôi* thì có lý nhưng *tôi viết công trình của tôi* thì thừa *về của tôi*. Khi mới viết, ta có thói quen viết những câu dài, gồm nhiều cú phụ. Dần dần, ta sẽ viết được những câu ngắn mà ý vẫn đầy đủ. Bốn tiêu chuẩn trên không có gì là cao xa, ai chịu khó cũng đạt được.

6. Bây giờ xin nói đến một vài mẹo rất dễ làm.

Một câu dễ hiểu là vì ta nắm ngay được hạt nhân của thông báo. Chín mười phần trăm các câu văn của phong cách khoa học là những câu trung hòa tức là chỉ trình bày ý kiến, không nhấn mạnh về nào và không eo sáo thái cực xúc. Hạt nhân của thông báo là bộ ba chủ ngữ—vị ngữ—tân ngữ, cho nên bộ ba này phải gắn nhau thì câu mới dễ hiểu. Đừng bắt buộc các câu của châu Âu hay chêm các vế chỉ thời gian, hoàn cảnh, trường hợp vào giữa ba vế này. Người ta làm thế được là vì quan hệ ngữ pháp giữa ba vế này rất rõ, nhưng tiếng Việt nó làm thế thì thông báo bị loãng ra. Thứ tự tối ưu của các vế trong một câu trung hòa là: *thời gian—địa điểm—chủ—vị—tân—biện pháp*

Hôm qua, ở Thanh Hóa dân quân ta đã bắn rơi một máy bay địch bằng súng trường.

Ban nào không tin cứ quy các câu khó hiểu trong các sách thành các vế bố trí theo trật tự này thì sẽ có những câu dễ hiểu. Không nên nghĩ rằng viết một tiếng Việt có kỹ luật là làm cho tư tưởng mất tự do. Tiếng Đức mặc dầu phong phú về hình thái và về thực chất có quyền tự do to lớn trong cách bố trí các vế vẫn chấp nhận câu văn có kỹ luật. Những cái kỹ luật gắt gao ấy vẫn không hề cản trở sự sáng tạo. Theo Goethe, theo Marx không phải là xấu hổ.

Công thức trên là rất tiện. Khi thông báo là về thời gian, địa điểm thì ta đưa về trước ứng xuống sau vị ngữ. Một người dịch có kinh nghiệm rất cần thận về điểm này, không để cho tiếng nước ngoài cội phôi. Chẳng hạn nếu dịch câu *I came here yesterday* của Anh thì anh ta sẽ viết *Hôm qua, tôi đến đây* chứ không dịch *tôi đến đây hôm qua* vì câu này là để dịch *Yesterday, I came here*. Nó trả lời câu hỏi *anh đến đây lúc nào*

Một nhược điểm thông thường trong cách nói năng, viết lách là bệnh sinh kiến trúc danh từ. Trên sách vở, trong các buổi trình bày, tôi đã nghe vô số chữ *vấn đề, sự...* Ta mê kiến trúc danh từ là có lý do. Đó là một kiến trúc mới có, các ông cha ta chỉ biết dùng kiến trúc động từ. Tiếng ta tính xưa cũng thế. Vào thế kỷ XVII, Bossnet của Pháp hãy còn nói như chúng ta. Nhưng ngày nay, nếu ta nói tiếng châu Âu mà không thạo chuyện kiến trúc động từ thành kiến trúc danh từ thì người nghe không thể cho ta là dân sành ngoại ngữ được.

Đĩ nhiên, tôi loan ghênh kiến trúc danh từ vì tôi đấu tranh cho cái mới, Song, trong tiếng Việt, kiến trúc danh từ dùng không phải chỗ thường làm cho câu văn kênh kiệu, khó hiểu. Đây là một thí nghiệm bổ ích. Bạn hãy thử bất kỳ bản dịch nào của Marx. Gặp câu nào khó hiểu, bạn hãy đổi kiến trúc danh từ thành kiến trúc động từ. Tôi cam đoan bạn sẽ có một câu văn Việt Nam dễ hiểu. Nói *Thấy quân ta đến, quân địch tháo chạy*, rõ ràng là giản dị hơn. *Trước sự xuất hiện của quân ta, quân địch tháo chạy*. Nói *Được Đảng quan tâm hướng dẫn, nhà máy đã vượt kế hoạch* dễ hiểu hơn là *Dưới sự quan tâm của Đảng...* Bạn là một giáo viên cũ đến thăm trường. Nếu một giáo viên khác nói : *Sự có mặt của anh làm anh em phấn khởi* thì bạn sẽ cảm thấy ngược : *«Lạy anh, tôi có phải ông bộ trưởng đâu» Nói anh đến. Anh em rất mừng chẳng thân mật hơn sao?*

7. Tôi không dám tin là mình viết nổi câu văn khoa học. Nhưng tôi cố gắng tập nói, tập viết câu văn ấy. Vì vậy mà có dăm ba mẹo. Tôi trình bày vấn đề ở đây với tất cả tấm lòng thành thực. Các bạn cứ thử nghiệm xem. Tôi trở lại luận điểm gốc. Làm khoa học là chấp nhận một kỷ luật trong tư duy. Vậy câu văn khoa học là câu văn có kỷ luật. Mình chịu vấp và thì bạn đọc đỡ vấp vấp. Mà bạn đọc thì lỏng, cho nên chịu vấp và rất bổ công.

(Tiếp theo trang 22)

ngữ ngữ nghiệp, thậm chí cả những từ ngữ cổ, lỗi thời nữa. Nếu như ngôn ngữ văn hóa là ngôn ngữ dân tộc đã được gọi tên, trau chuốt, bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả giao tiếp cao thì ngôn ngữ văn chương là một phương tiện nghệ thuật để xây dựng những hình tượng văn học, là chất liệu để sáng tạo những tác phẩm văn học.

Trên đây, chúng tôi đã xác định rõ nội dung của hai khái niệm «*ngôn ngữ văn hóa*» và «*ngôn ngữ văn chương*». Hai khái niệm này tuy liên quan chặt chẽ với nhau nhưng lại không hoàn toàn đồng nhất. Vì vậy không thể chỉ dùng một thuật ngữ duy nhất để biểu thị cả hai khái niệm. Hơn nữa, về mặt thuật ngữ, *văn học* nằm trong loạt những thuật ngữ gọi tên các khoa học như *toán học, sử học, dân tộc học, khảo cổ học...* Cho nên thuật ngữ «*ngôn ngữ văn học*» tỏ ra không chính xác nếu được dùng để biểu thị khái niệm «*ngôn ngữ văn hóa*» hay khái niệm «*ngôn ngữ văn chương*». Để biểu thị hai khái niệm này, tốt hơn hết, chúng ta dùng những tên gọi dịch thực của chúng: *ngôn ngữ văn hóa* và *ngôn ngữ văn chương*.